**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**TUẦN 25 (13/4-17/4/2020)**

**NGỮ VĂN LỚP 8- HỌC KÌ II**

**VĂN BẢN**

**HỊCH TƯỚNG SĨ**

**(Trần Quốc Tuấn)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=1RgjAWijkWM>

Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:

**1. Tác giả (SGK/58)**

- Trần Quốc Tuấn (1231- 1300).

- Tước: Hưng Đạo Vương.

- Ông là một anh hùng, một trong những danh tướng kiệt xuất của dân tộc. Là nhà quân sự thiên tài văn võ song toàn. Đồng thời ông là người có công lao bậc nhất của nhà Trần trong các cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông.

**2. Tác phẩm**

- **Hoàn cảnh sáng tác:** trước cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai năm 1285.

- **Thể loại:** Hịch (Xem thêm khái niệm hịch trong SGK/58-59)

- **Bố cục:** 4 phần.

+ “Từ đầu… lưu tiếng tốt”: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc.

+ “Tiếp theo…. cũng vui lòng”: Sự ngang ngược và của kẻ thù và thể hiện lòng căm thù giặc.

+ “Từ các ngươi…. không muốn vui vẻ phỏng có được không?”: Phân tích phải trái làm rõ đúng sai.

+ Phần còn lại : Nêu nhiêm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu.

**II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**

**1. Nêu gương sử sách**

- Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh.

- Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang, Xích Tu Tư.

🡢 Tất cả đều có một lòng trung nghĩa, một nét đạo đức truyền thống.

=> Nhằm khích lệ tinh thần lập công danh của các tướng sĩ.

**2. Tố cáo tội ác của giặc và tâm trạng của Trần Quốc Tuấn**

- **Tội ác của giặc:**

+ Nghênh ngang: “Uốn lưỡi cú diều mà sĩ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ”.

+ Lòng tham: đòi ngọc lụa, thu bạc vàng, vét của kho.

🡢 Nghệ thuật ẩn dụ có giá trị tố cáo mạnh mẽ.

=> Nhằm khích lệ lòng căm thù giặc.

- **Tâm trạng của Trần Quốc Tuấn:**

+ Thái độ: Quên ăn, vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa.

-> Lòng căm uất, sôi sục hận thù của một trái tim vĩ đại.

+ Hành động: xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù, dẫu...cũng cam lòng.

-> Có ý chí xả thân cứu nước.

=> Sử dụng biện pháp nói quá tác giả đã nói lên nỗi lòng của mình một cách thật cụ thể qua hành động, thái độ.

**3. Mối quan hệ giữa Trần Quốc Tuấn với các tướng sĩ**

- Quan hệ chủ tướng khích lệ tướng sĩ lòng trung quân ái quốc.

- Quan hệ giữa những người cùng cảnh ngộ khích lệ lòng ân nghĩa thuỷ chung.

***=>*** Khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ đối với đất nước.

**4. Phê phán hành động sai trái, phân tích hành động đúng**

- **Hành động sai:**

+ Thái độ bàng quan, vô trách nhiệm của tướng sĩ trước vận mệnh của đất nước ngàn cân treo sợi tóc.

+ Không biết hổ thẹn khi bị kẻ thù làm nhục.

+ Không biết căm tức khi phải hầu hạ bọn giặc...

+ Tập trung phê phán hành động sai trái, sa vào những thú vui tầm thường: chọi gà, cờ bạc, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê gái đẹp.

+ Những thú vui ấy tưởng như nhỏ nhặt nhưng tác hại ghê gớm: thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khốn cùng, gia quyến tan nát, xã tắc, tổ tông bị giày xéo, thanh danh bị ô nhục.

-> Sử dụng phép tương phản, điệp từ, điệp ý, tăng tiến kết hợp cách nói vừa nghiêm khắc vừa chân thành để chỉ ra hậu quả của nó.

- **Hành động đúng:**

+ Khuyên bảo họ cần “đặt mồi lửa” – biết lo xa. Nêu cao tinh thần cảnh giác.

+ Huấn luyện quân sĩ, tăng cường tập luyện võ nghệ, học tập binh thư yếu lược.

+ Dùng những từ ngữ mang tính khẳng định: mãi mãi, vững bền, đời đời hưởng thụ, sử sách lưu thơm.

=> Nhằm khích lệ tinh thần yêu nước.

**5. Lời kêu gọi:** Khích lệ nhiều hướng để tập trung vào một mục tiêu:

- Khích lệ ý chí lập công danh.

- Khích lệ lòng căm thù giặc.

- Khích lệ lòng trung quân ái quốc.

- Khích lệ lòng ân nghĩa thuỷ chung.

- Khích lệ lòng tự trọng.

=> Khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến đấu với kẻ thù.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác.

- Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ, …), chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện)

- Sử dụng lời văn thể hiện tình yêu nước mảnh liệt, chân thành, gây xúc động trong người đọc.

**2. Nội dung: Ghi nhớ SGK/61.**

**IV. Luyện tập**

**Câu 1:** Hãy những chi tiết nói về sự ngang ngược và tội ác của giặc. Việc nêu lên tội ác của giặc có tác dụng gì đối với tướng sĩ?

**Câu 2:** Qua bài “chiếu dời đô” và “ Hịch tướng sĩ” em hãy nêu lên nét giống nhau và khác nhau giữa hai thể loại?/.

- Cô chúc các em học tập hiệu quả -

**TIẾNG VIỆT**

**HÀNH ĐỘNG NÓI**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=P1UwfKeNexE>

Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:

**I. HÀNH ĐỘNG NÓI LÀ GÌ? (**Khuyến khích học sinh tự đọc, tự làm).

**II. MỘT SỐ KIỂU HÀNH ĐỘNG NÓI THƯỜNG GẶP**

**1. Ví dụ sgk/62**

(?) Trong đoạn trích ở mục I sgk/62 mỗi câu nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định là:

- Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu.

(để trình bày)

- Nay em giết nó tất không khỏi bị tội chết.

 (để đe doạ)

- Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi.

 (để cầu khiến)

- Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu

(để hứa hẹn)

(?) Ví dụ sgk/63: có 2 hành động nói đó là hành động nói của cái Tí và chị Dậu trong đoạn trích và mục đích của mỗi hành động nói là:

- Lời chị Dậu: báo tin

- Lời cái Tí: hỏi, bộc lộ cảm xúc.

=> Vậy có các kểu hành động nói thường gặp là: hành động hỏi, trình bày, điều khiển, hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc...

**2. Ghi nhớ: sgk/63**

**III. LUYỆN TẬP**

**Các em làm các bài tập trong SGK/63,64.**

**HÀNH ĐỘNG NÓI (tiếp theo)**

**I. CÁCH THỰC HIỆN HÀNH ĐỘNG NÓI**

**1. Ví dụ: sgk/70** (cả 5 câu đều là câu trần thuật)

- Câu 1,2,3: trình bày.

→ Thực hiện bằng cách trực tiếp.

- Câu 4,5: điều khiển

→ Thực hiện bằng cách gián tiếp.

**2. Ghi nhớ (sgk/71).**

**II. LUYỆN TẬP**

**Các em làm bài tập trong SGK71, 72./.**

- Cô chúc các em học tập hiệu quả -

**VĂN BẢN**

**NƯỚC ĐẠI VIỆT TA (BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO)**

**(Nguyễn Trãi)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=D_2KcKSdGhY>

Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả** (SGK/67)

- Nguyễn Trãi (1380-1442) hiệu là Ức Trai, quê ở Nhị Khê (Hà Tây)

- Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống lại sự xâm lược của nhà Minh.

- Ông là một nhà chính trị tài ba, quân sư kiệt xuất đồng thời ông cũng là một nhà văn chính luận, một nhà thơ lớn của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

**2. Tác phẩm:**

- **Hoàn cảnh sáng tác:** Năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. “Bình Ngô đại cáo” đượ Nguyễn Trãi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428).

- **Vị trí đoạn trích:** thuộc phần đầu của “Bình Ngô đại cáo”.

- **Thể loại:** Cáo (Xem thêm khái niệm cáo SGK/67

- **Bố cục:** 3 phần.

+ 2 câu đầu: Nguyên lý nhân nghĩa

+ 8 câu còn lại: Chân lí và sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại việt.

+ Phần còn lại dẫn chứng thực tiễn để làm rõ nguyên lí nhân nghĩa.

**II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**

**1. Nguyên lý nhân nghĩa**

- Nhân nghĩa là yên dân, trừ bạo.

*“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”*

- Trừ giặc Minh bạo ngược để giữ yên cuộc sống cho dân.

- Nhân nghĩa gắn liền với yêu nước, chống xâm lược.

→ Nhân nghĩa có nghĩa là lo cho dân, vì dân, nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống ngoại xâm.

=> Nội dung của Nguyễn Trãi mới hơn so với Nho giáo (yên dân).

**2. Chân lý về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt**

 - Tác giả khẳng định chủ quyền dựa vào các yếu tố:

+ Nền văn hiến

+ Lãnh thổ: núi sông, bờ cõi đã chia.

+ Phong tục, tập quán.

+ Chủ quyền từ Triệu, Đinh, Lí, Trần …

+ Nhân tài, hào kiệt.....

→ Đại Việt có chủ quyền ngang hàng với phương Bắc.

- Điều tất yếu dẫn đến sự thất bại của bọn giặc khi làm điều trái với nhân nghĩa:

+ “Lưu Cung tham công … Cửa Hàm Tử … Toa Đô … Ô Mã…

=> Nền độc lập của dân tộc ta đã được khẳng định với nền văn hiến lâu đời, lãnh thổ, chủ quyền, truyền thống lịch sử và nhân tài hào kiệt.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Trình tự lập luận chặt chẽ.

- Kết hợp lí lẽ.

- Từ ngữ chuẩn xác: nhân nghĩa, yyên dân, trừ bạo, điếu phạt…

- Biện pháp so sánh đặt nước ta ngang hàng với Trung Quốc.

- Phép liệt kê nhấn mạnh những điều hiển nhiên vốn có.

- Câu văn biền ngẫu cân đối nhịp nhàng.” Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần...”

**2. Nội dung: Ghi nhớ SGK/69./.**

**IV. Luyện tập**

Câu 1: Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

Câu 2: Vì sao nói đây là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc?

Câu 3: Em hãy nêu lên những nét mới và sâu sắc trong tư tưởng của Nguyễn Trãi so với bài “Sông núi nước Nam”

Câu 4: Thể cáo là gì?/.

**VĂN BẢN**

**BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC (Luận học pháp)**

**(La Sơn Phu Tử Nguyễn Tiếp)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=SbhGblU3cEc>

Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:

**I. Giới thiệu chung**

1. Tác giả: (Sgk/77)

2. Tác phẩm

- Thể loại: tấu (sgk/77,78)

- Hoàn cảnh sáng tác: Bàn luận về phép học là phần trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 8-1791

- Bố cục: 3 phần (sgk)

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1. Mục đích chân chính của việc học**

- “Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo’

- Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều đó.

=> Tác giả dùng câu châm ngôn vừa dễ hiểu, vừa tăng sức mạnh thuyết phục nhằm chỉ mục đích chân chính của việc học là học đạo, học để làm người.

**2. Phê phán những lệch lạc, sai trái trong việc học**

- Lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không biết đến tam cương ngũ thường.

- Tác hại: Chúa tầm thường, thần nịnh hót, người trên, kẻ dưới đều thích sự chạy chọt, luồn cúi, không có thực chất dẫn đến cảnh nước mất nhà tan.

**3. Quan điểm và phương pháp đúng đắn trong học tập**

- Mở trường dạy học ở phủ, huyện, mở trường tư, con cháu các nhà tiện đâu học đấy.

- Phép học, lấy Chu Tử làm chuẩn.

- Phương pháp học:

+ Tuần tự tiến lên, từ thấp đến cao.

+ Học rộng, nghĩ sâu, biết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu nhất.

 + Học phải biết kết hợp với hành.

**4. Tác dụng của việc học chân chính**

- Tạo được nhiều nhân tài.

- Chế độ vững mạnh.

- Quốc gia hưng thịnh.

**5. Trình tự lập luận**

Mục đích chân chính của việc học

Phê phán biểu hiện học lệch lạc

Khẳng định quan điểm học đúng

Tác dụng của việc học chân chính

**III. Tổng kết** (ghi nhớ, học thuộc, SGK/79)

***1. Nghệ thuật***

- Lập luận: đối lập hai quan niệm về việc học, lập luận của Nguyễn Thiếp bao hàm sự lựa chọn. Quan niệm, thái độ phê phán ấy cho thấy trí tuệ, bản lĩnh, nhận thức tiến bộ của người trí thức chân chính. Quan niệm ấy vẫn còn có ý nghĩa đối với chúng ta hôm nay.

- Có luận điểm rõ ràng, lí lẽ chặt chẽ, lời văn khúc chiết, thể hiện tấm lòng của một trí thức chân chính đối với đất nước.

***2. Nội dung*** ***(ghi nhớ, SGK/T79)***

**IV. Luyện tập**

**Câu 1**: Tác giả bàn như thế nào về cách học?

**Câu 2:** Tấu là gì?

**Câu 3:** Phân tích ý nghĩa và tác dụng của việc “theo điều học mà làm” mà La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp đã dạy đối với bản thân em nói riêng và học sinh nói chung./.